

Số: ~~1201~~/BTP-PBGDPL

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

V/v hướng dẫn thực hiện công tác
phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải
ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn
tiếp cận pháp luật năm 2019

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục (PBGDPL); Luật Hòa giải ở cơ sở; Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTg); Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 (Quyết định số 705/QĐ-TTg) và các văn bản hướng dẫn thi hành; Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 3121/QĐ-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung sau đây:

I. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Tổng kết, đánh giá kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (sau đây viết tắt là Chỉ thị số 32-CT/TW)

Đề việc tổng kết bảo đảm tiến độ, chất lượng theo yêu cầu, ngay sau khi Kế hoạch tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW được cấp có thẩm quyền ban hành, đề nghị tổ chức pháp chế, cơ quan tư pháp các cấp tích cực phát huy vai trò đầu mối tham mưu cấp ủy, chính quyền cùng cấp ban hành, triển khai kế hoạch, tổ chức các hoạt động phục vụ việc tổng kết trong phạm vi quản lý (văn bản hướng dẫn, hội thảo, tọa đàm, kiểm tra, xây dựng báo cáo tổng kết...).

Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp sẽ tham mưu cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể việc tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xã hội hóa công tác PBGDPL

Căn cứ điều kiện, khả năng, tình hình thực tiễn của địa phương, thực hiện đổi mới cách thức triển khai PBGDPL một cách linh hoạt, chủ động, sáng tạo; tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, triển khai, nhân rộng các mô hình, cách thức

PBGDPL có hiệu quả trên thực tế, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin (tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu PBGDPL trên Cổng/Trang thông tin điện tử/chuyên mục PBGDPL hoặc khai thác các ứng dụng mạng xã hội (facebook, twitter...), mạng chia sẻ (youtube)...); phát huy vai trò các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác này.

Phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, cá nhân đối với công tác này, nhất là các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân; hỗ trợ, tạo điều kiện, động viên, khuyến khích kịp thời các tổ chức, cá nhân tham gia công tác PBGDPL, nhất là tại địa bàn cơ sở.

3. Thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp (sau đây viết tắt là Hội đồng)

Ban hành và thực hiện nghiêm túc Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trên cơ sở bám sát chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng, bảo đảm Hội đồng hoạt động hiệu quả. Tăng cường trách nhiệm của thành viên Hội đồng và cơ quan thường trực Hội đồng trong tham mưu, tư vấn, xác định mục tiêu, hoạt động trọng tâm PBGDPL, chú trọng các vấn đề nóng đang được dư luận xã hội quan tâm.

4. Triển khai Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 theo Quyết định số 705/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Chương trình)

Tổ chức pháp chế, cơ quan tư pháp các cấp tham mưu thủ trưởng bộ, ngành, đoàn thể trung ương và Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện việc đánh giá kết quả 02 năm triển khai Chương trình, các đề án thuộc Chương trình bằng hình thức phù hợp, đề xuất các giải pháp cụ thể để tiếp tục triển khai có hiệu quả trong thời gian tới. Các bộ, ngành, đoàn thể trung ương được giao chủ trì xây dựng, triển khai các đề án PBGDPL về lĩnh vực, đối tượng, địa bàn cụ thể có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thẩm định đề án, kế hoạch thực hiện đề án hàng năm và cả giai đoạn; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong cả nước và từng địa bàn, sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu tư.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cần phát huy vai trò chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp hướng dẫn, chỉ đạo, điều phối các hoạt động và kinh phí thực hiện Chương trình, các đề án về PBGDPL tại địa phương theo đúng Quyết định số 705/QĐ-TTg.

5. Triển khai công tác PBGDPL trong nhà trường

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy môn Giáo dục công dân/Pháp luật. Tổ chức PBGDPL cho học sinh, sinh viên với những nội dung, chủ đề, hình thức phù hợp, phong phú; rà soát, cải cách nội dung chương trình, giáo trình, hướng tới việc rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống, dễ hiểu, dễ nhớ; tăng cường các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường; hướng dẫn các nhà trường và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tích cực tham gia hưởng ứng cuộc thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật do Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức.

6. PBGDPL cho các đối tượng đặc thù

Việc tổ chức triển khai PBGDPL cho các đối tượng đặc thù cần có kế hoạch, phân công cụ thể cho các cơ quan, ban, ngành có liên quan, gắn với chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; đồng thời lồng ghép thực hiện trong các chương trình, đề án về PBGDPL đã được ban hành, bảo đảm lựa chọn nội dung pháp luật và hình thức phù hợp, hiệu quả với từng đối tượng.

7. Triển khai Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông

Đề nghị Bộ Công an, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các giải pháp đẩy mạnh công tác PBGDPL về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nêu trên, cụ thể là:

7.1. Xây dựng kế hoạch, chương trình PBGDPL hoặc lồng ghép trong kế hoạch công tác PBGDPL hàng năm của bộ, ngành để triển khai PBGDPL về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và ùn tắc giao thông; tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết kế hoạch, chương trình và có báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7.2. Tổ chức biên soạn tài liệu tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chuyên sâu; đồng thời tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ trực tiếp triển khai các văn bản này.

7.3. Chỉ đạo, hướng dẫn, xác định nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật thuộc nội dung quản lý nêu trên; đồng thời biên soạn, đăng tải tài liệu phục vụ công tác PBGDPL và phối hợp với Bộ Tư pháp (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật) thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử về PBGDPL, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (*tại địa chỉ: <http://pbgdpl.moj.gov.vn>*); chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị, cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí, các nhà trường thuộc phạm vi quản lý tăng cường thông tin, phổ biến các văn bản pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và Nhân dân bằng hình thức phù hợp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện qua Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

8. Triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL (*hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo*)

II. CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VÀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (CẤP XÃ) ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 trên địa bàn, trong đó ưu tiên tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Về công tác hòa giải ở cơ sở

1.1. Tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở theo Kế hoạch số 370/KH-BTP ngày 29/01/2019 của Bộ Tư pháp.

1.2. Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải ở cơ sở và đội ngũ hòa giải viên theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

1.3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên theo Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” (sau khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành).

1.4. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, nhất là các biện pháp xử lý chuyên hướng về hòa giải¹ quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)², Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 1503/BTP-PBGDPL ngày 05/5/2017.

1.5. Thực hiện tốt công tác kiểm tra và chế độ thông tin, báo cáo, thống kê; kịp thời khen thưởng đối với tổ hòa giải, hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải ở cơ sở.

1.6. Phối hợp, hỗ trợ Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc lĩnh vực hòa giải ở cơ sở do Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương tổ chức tại địa phương (nếu có).

2. Về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

2.1. Chỉ đạo, tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương theo Quyết định số

¹ Xử lý chuyển hướng về hòa giải được hiểu là các trường hợp vi phạm pháp luật hình sự nhưng được miễn trách nhiệm hình sự do đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và được người bị hại tự nguyện hòa giải hoặc do người phạm tội là người dưới 18 tuổi được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.

² Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Điều 92 và Điều 94 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

31/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05/3/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, mục 4 Kế hoạch số 707/KH-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ Tư pháp và gửi Báo cáo sơ kết về Bộ Tư pháp (qua Vụ PBGDPL) **trước ngày 30/8/2019** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (*Đề cương và Phụ lục báo cáo được gửi kèm theo Công văn này*).

2.2. Qua công tác kiểm tra, theo dõi nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các địa phương gặp một số vướng mắc trong triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP, Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

a) Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 619/QĐ-TTg: *“Kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới...”*

Điều 4 Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 quy định một trong các điều kiện công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới là *“có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định”*. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 quy định chỉ tiêu chung, chỉ tiêu theo vùng của tiêu chí thành phần 18.5 *“xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”*. Căn cứ các quy định này, xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải là xã đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định của Quyết định số 619/QĐ-TTg.

b) Thực hiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Quyết định số 619/QĐ-TTg: *“Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra”*, cần lưu ý một số điểm như sau:

- Đối tượng, hình thức, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải căn cứ vào các quy định của Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vi phạm của cán bộ, công chức phải là vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ (mà không phải là mọi vi phạm pháp luật). Hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải từ cảnh cáo trở lên hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

- Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ mà bị xử lý kỷ luật Đảng, xử lý kỷ luật đoàn thể nhưng chưa hoặc không bị xử lý kỷ luật theo quyết định kỷ luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cán bộ, công chức thì không thuộc trường hợp nêu tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg nêu trên.

- Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ mà chưa bị xử lý kỷ luật nhưng đã chuyển công tác sang đơn vị cấp xã khác, sau đó hành vi vi phạm mới bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên (theo điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg). Đơn vị cấp xã bị xét điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nơi công chức đã có hành vi vi phạm. Thời điểm xét điều kiện này là năm mà công chức có hành vi vi phạm.

c) Thực hiện khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/2017/TT-BTP

- Địa phương muốn sử dụng kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật của năm hiện tại để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, thì việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải được thực hiện trước và bảo đảm tuân thủ các quy định của Quyết định số 619/QĐ-TTg.

- Không được ước tính kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để phục vụ đánh giá xã đạt nông thôn mới.

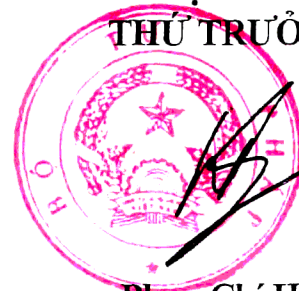
- Trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trước đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng năm trước liền kề năm đánh giá xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chờ kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm hiện tại để phục vụ đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện, mọi thông tin đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - số 58, 60 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; số điện thoại: 024.6273.9469)./4

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để thực hiện);
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để thực hiện);
- Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PBGDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu

Phụ lục I
Hướng dẫn tiếp tục thực hiện Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật,
tuyên truyền viên pháp luật
(Kèm theo Công văn số 441/BTP-PBGDPL ngày 29/4/2019)

Sau gần 03 năm triển khai Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2016/TT-BTP), nhìn chung đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật (BCVPL, TTVPL) các cấp cơ bản được củng cố, kiện toàn, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tích cực phát huy vai trò trong công tác PBGDPL. Tuy nhiên, qua theo dõi hoạt động của đội ngũ này chưa được thường xuyên, chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm để đưa chủ trương, chính sách pháp luật vào cuộc sống... Vì vậy, để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ này trong thời gian tới, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai một số công việc sau đây:


1. Tổ chức rà soát, đánh giá mức độ hoạt động của BCVPL, TTVPL trong quá trình triển khai nhiệm vụ PBGDPL; miễn nhiệm, cho thôi đối với BCVPL, TTVPL hoạt động không hiệu quả và thuộc các trường hợp miễn nhiệm, cho thôi theo quy định của Thông tư 10/2016/TT-BTP; thực hiện tốt các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ BCVPL, TTVPL, kiện toàn đội ngũ này theo hướng tinh gọn, bảo đảm đủ về số lượng trên các lĩnh vực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo yêu cầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc khó khăn, sơ kết, tổng kết và kịp thời khen thưởng BCVPL, TTVPL có thành tích trong công tác PBGDPL.

2. Chủ động theo dõi, tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm hoạt động để củng cố, kiện toàn đội ngũ BCVPL, TTVPL. Tiếp tục cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu pháp luật, giúp đội ngũ BCVPL, TTVPL tiếp cận các quy định mới của pháp luật, các vấn đề dư luận quan tâm để kịp thời PBGDPL đến cán bộ, nhân dân; định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ BCVPL, TTVPL, bám sát các nội dung được quy định tại Quyết định số 2147/QĐ-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ đối với BCVPL, TTVPL. Chủ động nghiên cứu, đổi mới hình thức tổ chức tập huấn, bồi dưỡng theo hướng thiết thực, hiệu quả, chú trọng các kỹ năng nghiệp vụ cần thiết; thực hiện tập huấn, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ BCVPL, TTVPL biết tiếng dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện PBGDPL cho đồng bào.

3. Đề nghị bộ, ngành, đoàn thể trung ương tiếp tục rà soát danh sách BCVPL trung ương đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận, được cập nhật, đăng tải trên Trang thông tin về phổ biến, giáo dục pháp luật (<http://pbgdpl.moj.gov.vn>; **chuyên mục Báo cáo viên pháp luật**); chỉ đạo đơn vị chức năng chủ động đề xuất việc công nhận, miễn nhiệm BCVPL theo quy

định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTP; cập nhật đầy đủ các thông tin về BCVPL, trong đó có thông tin “*lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật*”.

Văn bản đề nghị công nhận, miễn nhiệm, bổ sung thông tin về BCVPL trung ương đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật) và qua email: nguyenthuyhung@moj.gov.vn trước ngày **20/4/2019** để tổng hợp chung.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ Bộ Tư pháp (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật; đồng chí Nguyễn Thùy Nhung, số điện thoại 024.6273.9468). 

Phụ lục II
Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả
công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
(Kèm theo Công văn số 111/BTP-PBGDPL ngày 09/4/2019)

Ngày 10/3/2018, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BTP quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2018/TT-BTP). Để việc triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP đảm bảo thống nhất, khách quan, trên cơ sở những kiến nghị, thắc mắc của một số bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về cách thức triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP, cụ thể như sau:

1. Về đối tượng áp dụng của Thông tư số 03/2018/TT-BTP

Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2018/TT-BTP đã quy định đối tượng áp dụng Bộ tiêu chí là bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh. Do đó, việc đánh giá xếp loại theo các tiêu chí trong Thông tư chỉ áp dụng với hai đối tượng trên. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, “căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao và điều kiện thực tiễn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này; chỉ đạo, hướng dẫn việc áp dụng nội dung Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định tại Thông tư này” (khoản 1 Điều 14).

2. Về thời điểm thực hiện đánh giá

Tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2018/TT-BTP quy định “...Việc đánh giá, chấm điểm, xếp loại hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện định kỳ 02 năm một lần. Thời điểm ấn định các thông tin, số liệu để đánh giá, chấm điểm, xếp loại là ngày 31 tháng 12 của năm thứ hai tính từ thời điểm đánh giá kỳ trước; mốc thời gian để tính kỳ đầu đánh giá là ngày 31 tháng 12 năm 2018”, theo quy định này, thời điểm ấn định thông tin, số liệu phục vụ đánh giá, chấm điểm xếp loại kỳ đánh giá lần đầu được tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/12/2020. Để tạo căn cứ cho việc đánh giá vào cuối kỳ, hoạt động tự đánh giá hằng năm (khoản 3 Điều 10) sẽ bắt đầu thực hiện từ năm 2019. Theo đó, kỳ đánh giá đầu tiên thực hiện trong năm 2019, năm 2020, bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần tại Thông tư số 03/2018/TT-BTP trong báo cáo công tác tư pháp, pháp chế hằng năm gửi Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, sau khi kết thúc thời điểm tự đánh giá của kỳ đầu tiên, các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm cuối kỳ và gửi về Bộ Tư pháp theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư.


Trong kỳ đánh giá, bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao trong công tác PBGDPL phải tổng hợp, cập nhật và thống kê đầy đủ tổng khối lượng công việc phải thực hiện trong kỳ; tổng khối lượng công việc đã hoàn thành trong kỳ. Căn cứ vào mức độ hoàn thành để đánh giá, chấm điểm tương ứng với điểm số đạt được theo Bộ tiêu chí; đối với những nhiệm vụ trong kỳ đánh giá không phát sinh vì lý do khách quan thì vẫn được trọn vẹn điểm số.

3. Về phân công tổ chức thực hiện

Trên cơ sở tham mưu của tổ chức pháp chế và Sở Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh cần trực tiếp chỉ đạo, phân công các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong triển khai các nội dung trong Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL. Việc phân công phải bảo đảm sự phù hợp về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

4. Về kinh phí tổ chức

Kinh phí thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BTP được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện khảo sát, đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL đối với nhóm tiêu chí quy định tại Điều 8 và quy định tại Thông tư này. Các nội dung chi và mức chi được thực hiện theo quy định trong Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị nghiên cứu, tham khảo Tài liệu giới thiệu một số nội dung cơ bản của Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL và một số kỹ năng, nghiệp vụ đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL (*đăng tải trên Trang thông tin về phổ biến, giáo dục pháp luật, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp*) hoặc liên hệ Phòng Quản lý công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp (đồng chí Đinh Thị Ánh Hồng, số điện thoại: 024.6273.9468) để được giải đáp, tháo gỡ kịp thời. 

**BẢNG CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

| STT | NỘI DUNG CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ | ĐIỂM TỐI ĐA | TỔNG ĐIỂM CHẤM | THUYẾT MINH (Nêu rõ các văn bản đã ban hành; Nội dung công việc thực hiện) |
|-----|--|------------------|----------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I | NHÓM TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL) | 30 | ... | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| II | NHÓM TIÊU CHÍ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG PBGDPL | 20 điểm | ... | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| III | NHÓM TIÊU CHÍ VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT | 20 | ... | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| IV | NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC PBGDPL ĐỐI VỚI XÃ HỘI | 20 | ... | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| V | NHÓM TIÊU CHÍ KHÁC | 10 | ... | |
| 1 | Đối với bộ, cơ quan ngang bộ | | | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| 2 | Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố | | | |
| ... | (Các tiêu chí thành phần) | (Điểm tương ứng) | | |
| | TỔNG ĐIỂM (I+ II+ III+ IV+V) | 100 | ... | |

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2010-2020) và sơ kết Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (2017-2019)
(Kèm theo Công văn số 1201/BTP-PBGDPL ngày 04/4/2019)

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Kết quả xây dựng, tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý hoàn thiện các văn bản, chính sách, đề án phục vụ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020

II. Kết quả thực hiện Phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới từ năm 2012 đến năm 2020”

III. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn (cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện (*Phụ lục 1*).
2. Công tác quán triệt, tập huấn, truyền thông.
3. Công tác khảo sát, kiểm tra tình hình thực hiện.
4. Nguồn lực thực hiện (phân công nhiệm vụ, đầu mối tham mưu; bố trí kinh phí thực hiện) (*Phụ lục 2*).
5. Công tác phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ (Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới cùng cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận...).
6. Kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (*Phụ lục 3*).

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, vướng mắc

a) Tồn tại, khó khăn, vướng mắc về tổ chức thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg (về chỉ đạo, điều hành, phối hợp, nguồn lực thực hiện...)

b) Vướng mắc về thể chế (nếu có) trong thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; chấm điểm, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

2.2. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

b) Nguyên nhân chủ quan

3. Bài học kinh nghiệm

4. Kiến nghị, đề xuất

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

II. Nhiệm vụ trọng tâm

III. Giải pháp thực hiện

Phụ lục 1
Ban hành Kế hoạch, văn bản hướng dẫn thực hiện
xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (2017 – 2019)¹
(Kèm theo Đề cương báo cáo)

| Stt | Địa phương | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Năm 2019 | | |
|-----|----------------------|----------|----------|--------------|----------|----------|--------------|----------|----------|--------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | | Kế hoạch | Công văn | Văn bản khác | Kế hoạch | Công văn | Văn bản khác | Kế hoạch | Công văn | Văn bản khác |
| 1 | Tỉnh/thành phố:..... | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |

Phụ lục 2
Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
(Kèm theo Đề cương báo cáo)

| Stt | Nội dung | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|----------|---|----------|----------|----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Kinh phí từ nguồn kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật | | | |
| 1.1 | Sở Tư pháp | | | |
| 1.2 | Phòng Tư pháp cấp huyện | | | |
| 1.3 | UBND cấp xã | | | |
| 2 | Kinh phí từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới | | | |
| 2.1 | Sở Tư pháp | | | |
| 2.2 | Phòng Tư pháp cấp huyện | | | |
| 2.3 | Ủy ban nhân dân cấp xã | | | |
| 3 | Kinh phí từ nguồn xã hội hóa (nếu có) | | | |
| 3.1 | Sở Tư pháp | | | |
| 3.2 | Phòng Tư pháp cấp huyện | | | |
| 3.3 | Ủy ban nhân dân cấp xã | | | |

¹ Ghi rõ số, tên Kế hoạch, văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Phụ lục 3
Kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (2017 - 2018)
(Kèm theo Đề cương báo cáo)

| Stt | Địa phương | Năm 2017 | | | | | Năm 2018 | | | | |
|-----|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|---|--|--|-----------------------|------------------------------------|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | | | | (5) | (6) | | | |
| | | Tổng số đơn vị cấp xã | Trong đó | | | | Tổng số đơn vị cấp xã | Trong đó | | | |
| | | | Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được công nhận đạt nông thôn mới | Số phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Số thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | | Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được công nhận đạt nông thôn mới | Số phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Số thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật |
| 1 | Tỉnh/Thành phố: | | | | | | | | | | |
| | Huyện A | | | | | | | | | | |
| | Thành phố B | | | | | | | | | | |

